BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Điện cơ bản - MH1102030

Mã lớp học phần: MH110203001 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Nguyệt Hoa - (02005)

Ngày thi: 19/10/22 **Giờ thi:** 14h00 **Phòng thi:** XĐCB

Giám thị 1: N T N Hoa Ký tên:

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110040015	Nguyễn Quốc	**Bảo**	13/08/2003		6,0	Sáu Không	C23CK1	
2	2110040030	Trần Vương Gia	**Bảo**	18/05/2003		6,5	Sáu Năm	C23CK1	
3	2110040031	Nguyễn Hoài	**Cảnh**	19/11/2003		7,0	Bảy Không	C23CK1	
4	2110040021	La Đình	**Chương**	19/10/2003		6,0	Sáu Không	C23CK1	
5	2110040014	Châu Tiên	**Cường**	06/10/2002		7,0	Bảy Không	C23CK1	
6	2110040018	Nguyễn Văn	**Dự**	15/10/2003		7,0	Bảy Không	C23CK1	
7	2110040012	Bùi Thành	**Đạt**	18/10/2003		5,5	Năm Năm	C23CK1	
8	2110040009	Trần Phú	**Hào**	29/07/2003		6,0	Sáu Không	C23CK1	
9	2110040027	Huỳnh Thanh	**Hải**	29/11/2000		7,5	Bảy Năm	C23CK1	
10	2110040023	Bùi Quốc	**Huy**	14/01/2003		7,5	Bảy Năm	C23CK1	
11	2110040004	Lê Văn Vũ	**Hưng**	27/11/2003		7,0	Bảy Không	C23CK1	
12	2110040028	Nguyễn Hữu	**Khánh**	07/05/2001				C23CK1	
13	2110040025	Nguyễn Hoàng	**Mi**	09/06/2002		8,5	Tám Năm	C23CK1	
14	2110040072	Lê Nguyễn Hoàng	**Nam**	10/10/2003		6,5		C23CK1	
15	2110040003	Nguyễn Hoàng	**Phúc**	11/11/2003		6,0	Sáu Không	C23CK1	
16	2110040006	Đoàn Vĩnh	**Quang**	27/05/2003		6,0	Sáu Không	C23CK1	
17	2110040022	Trần Trọng	**Tấn**	16/11/2003		7,5	Bảy Năm	C23CK1	
18	2110040005	Tô Minh	**Thạnh**	25/10/2003		8,5	Tám Năm	C23CK1	
19	2110040010	Nguyễn Đức	**Thịnh**	29/01/2003		5,5	Năm Năm	C23CK1	
20	2110010109	Nguyễn Ái Quang	**Thoại**	06/04/2003		6,0	Sáu Không	C23CK1	
21	2110040001	La Đặng Nguyên	**Thuật**	14/10/2001		6,0	Sáu Không	C23CK1	
22	2110040017	Lê Minh	**Trí**	01/11/2003		7,0	Bảy Không	C23CK1	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 21 **vắng thi:** 1 **. Số bài thi:** 21 / 21 .

Số sinh viên đạt/không đạt: 21 / _____ **Tỷ lệ đạt:** 98 , ___ **%**

Ngày 18 *tháng* 11 *năm* 2022

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày 17 *tháng* 11 *năm* 2022

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS Nguyễn Thị Hoa

Ngày in: 17:36 05/10/2022

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Điện cơ bản - MH1102030

Mã lớp học phần: MH110203001 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Nguyệt Hoa - (02005)

Ngày thi: 19/10/22 **Giờ thi:** 8h00 **Phòng thi:** XĐCB

Giám thị 1: N T N Hoa Ký tên: Hoa

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110040056	Nguyễn Tấn	An	06/04/2003		6,5	Sáu Năm	C23CK2	
2	2110040051	Nguyễn Chí	Cường	13/06/2002	Cường	9,0	Chín Không	C23CK2	
3	2110040068	Nguyễn Tiến	Đạt	14/02/2003	Đạt	6,0	Sáu Không	C23CK2	
4	2110040044	Nguyễn Hoàng	Hải	02/03/2003	Hải	6,0	Sáu Không	C23CK2	
5	2110040058	Nguyễn Phúc Gia	Hưng	17/06/2002		6,5	Sáu Năm	C23CK2	
6	2110040054	Nguyễn Tấn	Hưng	20/10/2003	Hưng	7,0	Bảy Không	C23CK2	
7	2110040047	Trần Chí	Khiêm	10/03/2003	Khiêm	5,0	Năm Không	C23CK2	
8	2110040041	Lư Nguyễn Đăng	Khoa	10/05/2002		6,0	Sáu Không	C23CK2	
9	2110040057	Trần Đình	Khoa	10/04/2003	Khoa	5,5	Năm Năm	C23CK2	
10	2110040045	Trần Hữu	Liêm	15/12/2003	Liêm	6,0	Sáu Không	C23CK2	
11	2110040040	Mai Bá Vạn	Minh	26/07/2003		7,5	Bảy Năm	C23CK2	
12	2110040036	Nguyễn Trọng	Nghĩa	07/02/2003	Nghĩa	5,5	Năm Năm	C23CK2	
13	2110040067	Nguyễn Trọng	Nghĩa	12/05/2003		6,0	Sáu Không	C23CK2	
14	2110040059	Nguyễn Hoàng	Phúc	06/06/2003	Phúc	7,5	Bảy Năm	C23CK2	
15	2110010029	Nguyễn Hoàng	Sơn	13/09/2003		8,0	Tám Không	C23CK2	
16	2110040048	Phan Thanh	Tân	19/07/2003	Tân	6,0	Sáu Không	C23CK2	
17	2110040046	Nguyễn Lộc	Thịnh	21/02/2003		7,0	Bảy Không	C23CK2	
18	2110040055	Nguyễn Trường	Thọ	23/12/2003		6,5	Sáu Năm	C23CK2	
19	2110040037	Trần Minh	Thuận	22/06/2003		6,5	Sáu Năm	C23CK2	
20	2110040053	Lê Hoàng	Trung	06/05/2003		5,5	Năm Năm	C23CK2	
21	2110040062	Nguyễn Khắc	Viên	04/02/2003		8,0	Tám Không	C23CK2	
22	2110040049	Huỳnh Anh	Vũ	06/11/2003		5,5	Năm Năm	C23CK2	
23	2110040063	Nguyễn Mẫn	Xuyên	25/03/2003		6,0	Sáu Không	C23CK2	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 23 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi:** 23 / 23 .

Số sinh viên đạt/không đạt: 23 / 0 **Tỷ lệ đạt:** 100,0 **%**

Ngày 17 *tháng* 11 *năm* 2022

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày 17 *tháng* 11 *năm* 2022

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS Nguyễn T N Hoa

Ngày in: 17:45 05/10/2022

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TRƯỜNG CÔNG NGHỆ VÀ QTDN
PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Điện cơ bản - MH1102030

Mã lớp học phần: MH110203001 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Nguyệt Hoa - (02005)

Ngày thi: 26/10/22 **Giờ thi:** 8h00 **Phòng thi:** XƯCB

Giám thị 1: NT N Hoa Ký tên:

Giám thị 2: Ký tên:

Giám thị 3: Ký tên:

Giám thị 4: Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110040056	Nguyễn Tấn	An	06/04/2003		9,0	chín không	C23CK2	
2	2110040051	Nguyễn Chí	Cường	13/06/2002		9,0	chín không	C23CK2	
3	2110040068	Nguyễn Tiến	Đạt	14/02/2003		6,5	Sáu Năm	C23CK2	
4	2110040044	Nguyễn Hoàng	Hải	02/03/2003		6,5	Sáu Năm	C23CK2	
5	2110040058	Nguyễn Phúc Gia	Hưng	17/06/2002		9,0	chín không	C23CK2	
6	2110040054	Nguyễn Tấn	Hưng	20/10/2003		8,5	Tám Năm	C23CK2	
7	2110040047	Trần Chí	Khiêm	10/03/2003		5,0	Năm không	C23CK2	
8	2110040041	Lư Nguyễn Đăng	Khoa	10/05/2002		8,0	Tám không	C23CK2	
9	2110040057	Trần Đình	Khoa	10/04/2003		6,0	Sáu không	C23CK2	
10	2110040045	Trần Hữu	Liêm	15/12/2003		8,0	Tám không	C23CK2	
11	2110040040	Mai Bá Vạn	Minh	26/07/2003		8,0	tám không	C23CK2	
12	2110040036	Nguyễn Trọng	Nghĩa	07/02/2003		6,0	Sáu không	C23CK2	
13	2110040067	Nguyễn Trọng	Nghĩa	12/05/2003		6,5	Sáu Năm	C23CK2	
14	2110040059	Nguyễn Hoàng	Phúc	06/06/2003		7,5	Bảy Năm	C23CK2	
15	2110010029	Nguyễn Hoàng	Sơn	13/09/2003		9,0	chín không	C23CK2	
16	2110040048	Phan Thanh	Tân	19/07/2003		6,5	Sáu Năm	C23CK2	
17	2110040046	Nguyễn Lộc	Thịnh	21/02/2003		9,0	chín không	C23CK2	
18	2110040055	Nguyễn Trường	Thọ	23/12/2003		6,5	Sáu Năm	C23CK2	
19	2110040037	Trần Minh	Thuận	22/06/2003		6,5	Sáu Năm	C23CK2	
20	2110040053	Lê Hoàng	Trung	06/05/2003		6,0	Sáu không	C23CK2	
21	2110040062	Nguyễn Khắc	Viên	04/02/2003		9,0	chín không	C23CK2	
22	2110040049	Huỳnh Anh	Vũ	06/11/2003		6,0	Sáu không	C23CK2	
23	2110040063	Nguyễn Mẫn	Xuyên	25/03/2003		6,5	Sáu Năm	C23CK2	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 23 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi:** 23 / 23 .

Số sinh viên đạt/không đạt: 23 / 0 **Tỷ lệ đạt:** 100,0 **%**

Ngày 28 *tháng* 11 *năm* 2022

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày 17 *tháng* 11 *năm* 2022

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS Nguyễn Thị Nguyệt Hoa

Ngày in: 17:45 05/10/2022

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

TRƯỜNG CĐ BC CÔNG NGHỆ VÀ QTDN
PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Điện cơ bản - MH1102030

Mã lớp học phần: MH110203001 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Nguyệt Hoa - (02005)

Ngày thi: 26/10/22 **Giờ thi:** 14h00 **Phòng thi:** XDCB

Giám thị 1: NTN Hoa Ký tên:

Giám thị 2: Ký tên:

Giám thị 3: Ký tên:

Giám thị 4: Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110040015	Nguyễn Quốc	Bảo	13/08/2003		6,5	Sáu Năm	C23CK1	
2	2110040030	Trần Vương Gia	Bảo	18/05/2003		7,0	Bảy Không	C23CK1	
3	2110040031	Nguyễn Hoài	Cảnh	19/11/2003		7,5	Bảy Năm	C23CK1	
4	2110040021	La Đình	Chương	19/10/2003		6,5	Sáu Năm	C23CK1	
5	2110040014	Châu Tiên	Cường	06/10/2002		9,0	Chín Không	C23CK1	
6	2110040018	Nguyễn Văn	Dự	15/10/2003		9,0	Chín Không	C23CK1	
7	2110040012	Bùi Thành	Đạt	18/10/2003		6,0	Sáu Không	C23CK1	
8	2110040009	Trần Phú	Hào	29/07/2003		9,0	Chín Không	C23CK1	
9	2110040027	Huỳnh Thanh	Hải	29/11/2000		8,0	Tám Không	C23CK1	
10	2110040023	Bùi Quốc	Huy	14/01/2003		8,0	Tám Không	C23CK1	
11	2110040004	Lê Văn Vũ	Hưng	27/11/2003		9,0	Chín Không	C23CK1	
12	2110040028	Nguyễn Hữu	Khánh	07/05/2001				C23CK1	
13	2110040025	Nguyễn Hoàng	Mi	09/06/2002		9,0	Chín Không	C23CK1	
14	2110040072	Lê Nguyễn Hoàng	Nam	10/10/2003		6,5	Sáu Năm	C23CK1	
15	2110040003	Nguyễn Hoàng	Phúc	11/11/2003		6,5	Sáu Năm	C23CK1	
16	2110040006	Đoàn Vĩnh	Quang	27/05/2003		6,5	Sáu Năm	C23CK1	
17	2110040022	Trần Trọng	Tấn	16/11/2003		8,0	Tám Không	C23CK1	
18	2110040005	Tô Minh	Thạnh	25/10/2003		8,5	Tám Năm	C23CK1	
19	2110040010	Nguyễn Đức	Thịnh	29/01/2003		6,0	Sáu Không	C23CK1	
20	2110010109	Nguyễn Ái Quang	Thoại	06/04/2003		6,5	Sáu Năm	C23CK1	
21	2110040001	La Đặng Nguyên	Thuật	14/10/2001		6,5	Sáu Năm	C23CK1	
22	2110040017	Lê Minh	Trí	01/11/2003		7,5	Bảy Năm	C23CK1	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 21 **vắng thi:** 1 **. Số bài thi:** 21 / 21 .

Số sinh viên đạt/không đạt: 21 / 0 **Tỷ lệ đạt:** 98,0 **%**

Ngày 18 *tháng* 11 *năm* 2022

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày 17 *tháng* 11 *năm* 2022

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS Nguyễn Thị Nguyệt Hoa

Ngày in: 17:37 05/10/2022

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Điện cơ bản - MH1102030

Mã lớp học phần: MH110203001 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Nguyệt Hoa - (02005)

Ngày thi: 26/10/22 **Giờ thi:** 14h00 **Phòng thi:** XƯỞNG

Giám thị 1: N T N Hoa Ký tên:

Giám thị 2: Ký tên:

Giám thị 3: Ký tên:

Giám thị 4: Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110040034	Trương Hữu	**Bền**	05/12/2003		6.0	Sáu không	C23CK1	
2	2110040011	Nguyễn Hoàng	**Nam**	20/02/2003		8.5	Tám Năm	C23CK1	
3	2110040013	Đào Mai	**Tường**	22/01/2003		6.0	Sáu không	C23CK1	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 03 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi:** 03 / 03 .

Số sinh viên đạt/không đạt: 03 / 0 **Tỷ lệ đạt:** 100,0 **%**

Ngày. 27 *tháng* 11 *năm* 2022

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày. 27 *tháng* 10 *năm* 2022

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS N T Nguyệt Hoa

Ngày in: 15:22 27/10/2022

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Điện cơ bản - MH1102030

Mã lớp học phần: MH110203001 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Nguyệt Hoa - (02005)

Ngày thi: 19/10/22 **Giờ thi:** 14h00 **Phòng thi:** XDCB

Giám thị 1: NTN Hoa Ký tên:

Giám thị 2: Ký tên:

Giám thị 3: Ký tên:

Giám thị 4: Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110040034	Trương Hữu	**Bền**	05/12/2003		6.0	Sáu không	C23CK1	
2	2110040011	Nguyễn Hoàng	**Nam**	20/02/2003		8.0	Tám không	C23CK1	
3	2110040013	Đào Mai	**Tường**	22/01/2003		5.5	Năm năm	C23CK1	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 03 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi:** 03 / 03 .

Số sinh viên đạt/không đạt: 03 / 0 **Tỷ lệ đạt:** 100,0 **%**

Ngày 20 *tháng* 10 *năm* 2022

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày 20 *tháng* 10 *năm* 2022

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Hoa

ThS Ng T Nguyệt Hoa

Ngày in: 15:21 27/10/2022

, BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

TRƯỜNG CĐ BC CÔNG NGHỆ VÀ QTDN
PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 1 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Điện cơ bản - MH1102030 — Giám thị 1: Phạm Văn Dũng — Ký tên:
Mã lớp học phần: MH110203001 **Số tín chỉ: 3** — Giám thị 2: N.T.N.Hz — Ký tên:
Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Nguyệt Hoa — Giám thị 3: — Ký tên:
Ngày thi: 25/11/2022 **Giờ thi: 09h30** **Phòng thi: Xưởng điện cơ bản** — Giám thị 4: — Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110040056	Nguyễn Tấn	**An**	06/04/2003			9,2	Chín hai	C23CK2	
2	2110040014	Châu Tiên	**Cường**	06/10/2002			9,5	Chín năm	C23CK1	
3	2110040051	Nguyễn Chí	**Cường**	13/06/2002			9,2	Chín hai	C23CK2	
4	2110040018	Nguyễn Văn	**Dự**	15/10/2003			9,0	chín	C23CK1	
5	2110040009	Trần Phú	**Hào**	29/07/2003			9,0	chín	C23CK1	
6	2110040004	Lê Văn Vũ	**Hưng**	27/11/2003			9,0	chín	C23CK1	
7	2110040058	Nguyễn Phúc Gia	**Hưng**	17/06/2002			8,5	Tám năm	C23CK2	
8	2110040054	Nguyễn Tấn	**Hưng**	20/10/2003			9,5	chín năm	C23CK2	
9	2110040041	Lư Nguyễn Đăng	**Khoa**	10/05/2002			7,5	Bảy năm	C23CK2	
10	2110040045	Trần Hữu	**Liêm**	15/12/2003			8,7	Tám bảy	C23CK2	
11	2110040072	Lê Nguyễn Hoàng	**Nam**	10/10/2003			8,0	Tám	C23CK1	
12	2110010029	Nguyễn Hoàng	**Sơn**	13/09/2003			9,0	chín	C23CK2	
13	2110040046	Nguyễn Lộc	**Thịnh**	21/02/2003			8,5	Tám năm	C23CK2	
14	2110040055	Nguyễn Trường	**Thọ**	23/12/2003			8,5	Tám năm	C23CK2	
15	2110040037	Trần Minh	**Thuận**	22/06/2003			8,7	Tám bảy	C23CK2	
16	2110040062	Nguyễn Khắc	**Viên**	04/02/2003			8,7	Tám bảy	C23CK2	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 16 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi/Số tờ:** 16 / 16 .

Số sinh viên đạt: 16 **Tỷ lệ đạt:** 100 **%**

Ngày..25.tháng11...năm..2022
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày..25.tháng.11..năm..2022
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

, BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

TRƯỜNG CĐ BC CÔNG NGHỆ VÀ QTDN
PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 1 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Điện cơ bản - MH1102030
Mã lớp học phần: MH110203001 **Số tín chỉ: 3**
Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Nguyệt Hoa
Ngày thi: 25/11/2022 **Giờ thi: 09h30** **Phòng thi: Xưởng điện cơ bản**

Giám thị 1: N T N Hoa Ký tên: Hoa
Giám thị 2: P. V. Dũng Ký tên:
Giám thị 3: Ký tên:
Giám thị 4: Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110040068	Nguyễn Tiến	**Đạt**	14/02/2003	Đạt		4,0	Bốn Không	C23CK2	
2	2110040044	Nguyễn Hoàng	**Hải**	02/03/2003	Hải		5,5	Năm Năm	C23CK2	
3	2110040047	Trần Chí	**Khiêm**	10/03/2003	Khiêm		4,0	Bốn Không	C23CK2	
4	2110040057	Trần Đình	**Khoa**	10/04/2003	Khoa		6,5	Sáu Năm	C23CK2	
5	2110040040	Mai Bá Vạn	**Minh**	26/07/2003			6,0	Sáu Không	C23CK2	
6	2110040036	Nguyễn Trọng	**Nghĩa**	07/02/2003	Nghĩa		4,5	Bốn Năm	C23CK2	
7	2110040067	Nguyễn Trọng	**Nghĩa**	12/05/2003			5,5	Năm Năm	C23CK2	
8	2110040059	Nguyễn Hoàng	**Phúc**	06/06/2003	Phúc		5,5	Năm Năm	C23CK2	
9	2110040048	Phan Thanh	**Tân**	19/07/2003	Tân		4,0	Bốn Không	C23CK2	
10	2110040053	Lê Hoàng	**Trung**	06/05/2003			6,5	Sáu Năm	C23CK2	
11	2110040049	Huỳnh Anh	**Vũ**	06/11/2003			5,5	Năm Năm	C23CK2	
12	2110040063	Nguyễn Mẫn	**Xuyên**	25/03/2003	Mẫn Xuyên		6,0	Sáu Không	C23CK2	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 12 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi/Số tờ:** 12 / 12 .
Số sinh viên đạt: 12 **Tỷ lệ đạt:** 100 **%**

Ngày 01 tháng 12 năm 2022
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày 1 tháng 12 năm 2022
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

Ths NT Nguyệt Hoa

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

TRƯỜNG CĐ BC CÔNG NGHỆ VÀ QTDN
PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 1 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Điện cơ bản - MH1102030
Mã lớp học phần: MH110203001 **Số tín chỉ: 3**
Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Nguyệt Hoa
Ngày thi: 25/11/2022 **Giờ thi: 07h45** **Phòng thi: Xưởng điện cơ bản**

Giám thị 1: NT N Hoa Ký tên:
Giám thị 2: P. V. Duy Ký tên:
Giám thị 3: Ký tên:
Giám thị 4: Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110040015	Nguyễn Quốc	Bảo	13/08/2003			6,0	Sáu không	C23CK1	
2	2110040030	Trần Vương Gia	Bảo	18/05/2003			5,0	Năm không	C23CK1	
3	2110040034	Trương Hữu	Bền	05/12/2003			6,5	Sáu Năm	C23CK1	
4	2110040031	Nguyễn Hoài	Cảnh	19/11/2003			4,5	Bốn Năm	C23CK1	
5	2110040021	La Đình	Chương	19/10/2003			7,0	Bảy không	C23CK1	
6	2110040012	Bùi Thành	Đạt	18/10/2003			4,5	Bốn Năm	C23CK1	
7	2110040027	Huỳnh Thanh	Hải	29/11/2000			4,5	Bốn Năm	C23CK1	
8	2110040023	Bùi Quốc	Huy	14/01/2003			7,5	Bảy Năm	C23CK1	
9	2110040025	Nguyễn Hoàng	Mi	09/06/2002			8,0	Tám không	C23CK1	
10	2110040011	Nguyễn Hoàng	Nam	20/02/2003			8,5	Tám Năm	C23CK1	
11	2110040003	Nguyễn Hoàng	Phúc	11/11/2003			5,0	Năm không	C23CK1	
12	2110040006	Đoàn Vĩnh	Quang	27/05/2003			5,0	Năm không	C23CK1	
13	2110040022	Trần Trọng	Tấn	16/11/2003			7,5	Bảy Năm	C23CK1	
14	2110040005	Tô Minh	Thạnh	25/10/2003			8,0	Tám không	C23CK1	
15	2110040010	Nguyễn Đức	Thịnh	29/01/2003			7,5	Bảy Năm	C23CK1	
16	2110010109	Nguyễn Ái Quang	Thoại	06/04/2003			7,0	Bảy không	C23CK1	
17	2110040001	La Đặng Nguyên	Thuật	14/10/2001			7,5	Bảy Năm	C23CK1	
18	2110040017	Lê Minh	Trí	01/11/2003			7,5	Bảy Năm	C23CK1	
19	2110040013	Đào Mai	Tường	22/01/2003			4,5	Bốn Năm	C23CK1	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 19 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi/Số tờ:** 19 / 19 .

Số sinh viên đạt: 19 **Tỷ lệ đạt:** ____ %

Ngày 01 *tháng* 12 *năm* 2022
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày 01 *tháng* 12 *năm* 2022
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

ThS Nguyễn Thị Nguyệt Hoa